

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-ST
Ngày 04 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-DS ngày 09/02/2022 về việc “*Tranh chấp Hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 08/3/2022 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 18/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969.

- *Bị đơn:* Bà **Lâm Bé B**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện: Vào ngày 15/7/2017 âm lịch chồng bị đơn là ông Nguyễn Văn X (chết năm 2018) có mở 01 dây hui loại hui 1.000.000 đồng, hui có 31 chung, hui 01 tháng khai 01 lần, nguyên đơn tham gia chơi 03 chung. Quá trình chơi hui nguyên đơn hốt 01 chung, chung hui này nguyên đơn phải đóng hui chết lại là 17.000.000 đồng. Còn 02 chung sống nguyên đơn đóng được 14 lần. Khi chồng bị đơn chết thì đình hui (chấm dứt dây hui). Sau khi đình hui thì bị đơn cùng các hui viên ngồi lại để tính toán nghĩa vụ hui với nhau (trong đó có nguyên đơn). Sau khi tính toán tiền hui thì nguyên đơn đồng ý trừ đi hui chết với tiền hui sống, tổng số tiền hui của nguyên đơn còn lại 11.000.000 đồng, bị đơn cam kết gom tiền hui

chết của các hội viên đã hốt hội để trả cho các hội viên có hội còn sống (trong đó có nguyên đơn), nhưng có xin chi phí đi gom hội mỗi chung là 500.000 đồng, ngoài ra còn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn thời hạn đến khi mãn hội sẽ yêu cầu thanh toán một lần, chứ không yêu cầu phải trả dần hàng tháng. Sau khi kết nợ thì bị đơn có trả được cho nguyên đơn 1.500.000 đồng. Dây hội hiện nay về mặt thời gian thì đã mãn hội. Nay đồng ý đối trừ 1.500.000 đồng tiền bị đơn đã trả và 1.000.000 đồng tiền phí gom hội theo thỏa thuận.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền hội 8.500.000 đồng.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Nhưng trong dây hội này ông Nguyễn Thanh T còn nợ lại bị đơn 12.100.000 đồng không trả cho bị đơn, nên bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn và đề nghị đối trừ với tiền hội của ông Nguyễn Thanh T với tiền hội của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn xác định hiện nay đã gom hội được thêm 1.000.000 đồng trả cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không đồng ý nhận; dây hội hiện nay về mặt thời gian thì đã mãn hội và việc nguyên đơn cho rằng có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn thời hạn đến khi mãn hội sẽ yêu cầu thanh toán một lần, chứ không yêu cầu phải trả dần hàng tháng là đúng, nhưng do bị đơn không gom hội của các hội viên có hội chết được, nên không có tiền để trả cho nguyên đơn theo thỏa thuận được.

Nay bị đơn đồng ý trả số tiền 8.500.000 đồng cho nguyên đơn, nhưng trả hàng tháng mỗi tháng 500.000 đồng, nếu gom được tiền hội chết của các hội viên nhiều thì sẽ trả nhiều cho nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[3] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy thực tế qua lời trình bày của các đương sự thì xác định được khi còn sống chồng bị đơn là ông Nguyễn Văn X (chết năm 2018) có mở 01 dây hội loại hội 1.000.000 đồng, hội có 31 chung, hội 01 tháng khai 01 lần, nguyên đơn tham gia chơi 03 chung, quá trình dây hội được khai theo thỏa thuận thì ông X chết nên dây hội chấm dứt. Như vậy, giao dịch hội do ông X làm chủ được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông X và bị đơn, và bị đơn cũng biết được việc giao dịch hội của chồng mình (nên

giao dịch hui này thì bị đơn cùng chồng đều phải có trách nhiệm), đồng thời sau khi ông X chết thì bị đơn là người trực tiếp đứng ra cùng thỏa thuận với các hui viên tham gia dây hui để kết thúc quyền và nghĩa vụ của chủ hui và các hui viên. Nội dung nguyên đơn và bị đơn thừa nhận sau khi trừ đi tiền hui sống đóng được và tiền hui chết của nguyên đơn thì số tiền hui của nguyên đơn còn lại 11.000.000 đồng và bị đơn đứng ra cam kết gom hui của các hui viên có hui chết để trả cho các hui viên có tiền hui sống (trong đó có nguyên đơn) và có yêu cầu được trả phí gom hui. Vì vậy, có căn cứ xác định sau khi chồng bị đơn chết thì bị đơn đã trực tiếp đứng ra kế thừa quyền và nghĩa vụ của chủ hui theo thỏa thuận của dây hui (trong đó có kết nợ với nguyên đơn số tiền 11.000.000 đồng (bị đơn có trả được 1.500.000 đồng và nguyên đơn đồng ý trả tiền phí 1.000.000 đồng (theo yêu cầu của bị đơn)), số tiền còn lại là 8.500.000 đồng bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn, và bị đơn cũng thừa nhận có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn thời hạn đến khi mãn hui sẽ yêu cầu thanh toán một lần, chứ không yêu cầu phải trả dần hàng tháng. Như vậy, dây hui theo lời trình bày của các bên về mặt thời gian thì đã mãn, nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 8.500.000 đồng chưa thanh toán cho nguyên đơn là đúng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận sau khi kết nợ, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hui 8.500.000 đồng là phù hợp.

Đối với việc bị đơn cho rằng trong dây hui có tranh chấp với nguyên đơn thì ông Nguyễn Thanh T còn nợ lại bị đơn 12.100.000 đồng không trả cho bị đơn, nên bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn và đề nghị đối trừ với tiền hui của ông Nguyễn Thanh T với tiền hui của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi dây hui chấm dứt thì bị đơn cùng tất cả hui viên đã thỏa thuận bị đơn có quyền gom hui của các hui viên có hui chết chưa đóng đầy đủ để trả tiền hui sống và bị đơn được hưởng khoản phí 500.000 đồng/chung (khoản tiền này được xem là hoa hồng cho chủ hui theo quy định). Như vậy, quyền lợi của nguyên đơn trong vụ án này là khác với nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn theo thỏa thuận, nên việc ông Nguyễn Thanh T không đóng hui cho bị đơn thì không đồng nghĩa với việc bị đơn không phải có nghĩa vụ trả tiền hui cho nguyên đơn. Trường hợp ông Nguyễn Thanh T (hay bất kỳ hui viên nào có hui chết đã hốt) không đóng hui chết lại cho bị đơn theo thỏa thuận và có tranh chấp thì bị đơn có quyền yêu cầu khởi kiện thành 01 vụ án khác để xem xét theo quy định của pháp luật.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền hui là 8.500.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn bà Lâm Bé B có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Lâm Bé B phải nộp là 425.000 đồng.
- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004359 ngày 09/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐẤ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải